TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lý Thị Luân.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lý Văn Tuyên**

2. Bà **Lê Thị Khuyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tạ Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Triệu Kim Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết nợ chung".*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các Đ sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bế Văn Đ, sinh năm 1980. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị D, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Đều trú tại thôn Q, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Sầm Đức Tùng, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

***** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bế Văn M, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Q, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mạnh là bà Đỗ Thị Xuân, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

+ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Mạnh H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2023; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bế Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào năm 2003. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể chung sống với nhau được nên anh Đ yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn mặc dù tình cảm của anh Đ vẫn bình thường không phải bỏ nhau là kẻ thù.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là: Bế Thị Kim Ch, sinh ngày 06/5/2004, Bế Bảo Tr, sinh ngày 22/01/2008 và Bế Tiến Đ1, sinh ngày 18/6/2020. Con thứ nhất Bế Thị Kim Chi đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn 02 con Bảo Trâm và Tiến Đ1 ly hôn đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu chị D có nguyện vọng được nuôi con thì anh Đ nhất trí để con cho chị D nuôi.

- Về tài sản chung: Yêu cầu Toà án chia đôi tài sản của vợ chồng.

Đối với các diện tích đất anh Đ đề nghị chia đôi theo diện tích.

Về các tài sản khác: Anh Đ được sở hữu 02 máy tuốt lúa, 01 xe tắc tơ. Chị D được sở hữu 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy lọc nước. Đối với 03 chiếc xe máy: Chị D được sở hữu 01 xe honda Wave, màu vàng trắng đen, số máy 4387746, số khung 260460, biển kiểm soát 97B1-231.31 tên chủ xe Lâm Đức Hải theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020296 ngày 16/01/2013 và được tạm giữ 01 xe yamaha sirius biển kiểm soát 97B1-776.50, số máy E3X9E461223, số khung 3220JY094974, màu sơn đỏ đen theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 046092 ngày 16/8/2018 cho đến khi con Bế Bảo Tr đủ 18 tuổi thì sang tên cho con Bế Bảo Tr; anh Đ được sở hữu 01 xe máy Honda không có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

Đối với các thửa đất ông M đòi lại, anh Đ có ý kiến nhất trí trả.

Tuy nhiên, đến ngày 21 tháng 8 năm 2023 anh Đ thay đổi không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng.

- Về nợ chung: Vợ chồng có vay của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền 100.000.000,đ. Ly hôn, anh Đ có ý kiến chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên.

Tại bản tự khai ngày 26/4/2023, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Phan Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D nhất trí với trình bày của anh Đ về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, chị D vẫn còn tình cảm với anh Đ, mong muốn anh Đ quay về chung sống với nhau nên chị D không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Nhất trí với trình bày của anh Đ về con chung. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con Bế Tiến Đ1 và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng.

Đối với các diện tích đất chị D yêu cầu chia đôi.

Về các tài sản khác: Anh Đ được sở hữu 02 máy tuốt lúa, 01 xe tắc tơ. Chị D được sở hữu 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy lọc nước. Đối với 03 chiếc xe máy: Chị D được sở hữu 01 xe honda Wave, màu vàng trắng đen, số máy 4387746, số khung 260460, biển kiểm soát 97B1-231.31 tên chủ xe Lâm Đức Hải theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020296 ngày 16/01/2013 và được tạm giữ 01 xe yamaha sirius biển kiểm soát 97B1-776.50, số máy E3X9E461223, số khung 3220JY094974, màu sơn đỏ đen theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 046092 ngày 16/8/2018 cho đến khi con Bế Bảo Tr đủ 18 tuổi thì sang tên cho con Bế Bảo Tr; anh Đ được sở hữu 01 xe máy Honda không có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

Đối với các thửa đất ông M yêu cầu anh Đ, chị D trả lại nếu ly hôn, chị D không nhất trí trả cho ông M.

Quá trình giải quyết anh Đ thay đổi không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng, người có quyền lợi ngĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập về việc đòi lại tài sản, chị D nhất trí không có yêu cầu gì.

- Về nợ chung: Vợ chồng có vay của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền 100.000.000,đ. Ly hôn, chị D nhất trí để anh Đ chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại bản bào chữa gửi Tòa án nêu quan điểm: Giữa nguyên đơn, bị đơn không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt, hiện nay vợ chồng vẫn sống chung, các con còn nhỏ và đều mong muốn anh Đ quay về đoàn tụ, chị D tha thiết mong anh Đ suy nghĩ quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nên đề nghị HĐXX bác đơn để anh Đ, chị D quay về đoàn tụ.

Tại bản tự khai số: 81/BTK-NHCS ngày 04/5/2023, biên bản hòa giải đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện N xác nhận có cho vợ chồng anh Bế Văn Đ và chị Phan Thị D vay với số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) gồm khoản vay: Vay theo chương trình hộ nghèo, mã món vay 660000072338288, ngày vay 08/7/2022 với số tiền nợ gốc là 100.000.000,đ;

Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện N trình bày: Nhất trí theo thỏa thuận giữa chị D và anh Đ là anh Bế Văn Đ có trách nhiệm trả 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh của số tiền vay khi đến hạn thanh toán.

* Tại đơn yêu cầu độc lập ông Bế Văn M nộp cho Tòa án ngày 06/6/2023, bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bế Văn M trình bày: Các thửa đất số 35, tờ bản đồ 93; thửa số 213 tờ bản đồ 92; thửa số 103 tờ bản đồ 92, thửa số 104 tờ bản đồ 92, thửa đất số 59 tờ bản đồ 93; thửa đất số 177, tờ bản đồ 92; thửa đất số 136 tờ bản đồ 93; thửa đất số 154 tờ bản đồ 92; thửa đất 37 tờ bản đồ 93; thửa đất số 26 tờ bản đồ 93; thửa đất số 61 tờ bản đồ 93; thửa đất số 67 tờ bản đồ số 3; thửa đất số 28 tờ bản đồ 92 có nguồn gốc của ông cha để lại, ông M cho anh Đ, chị D canh tác. Nay anh Đ, chị D ly hôn, ông yêu cầu anh chị trả lại các diện tích đất này. Nếu anh Đ, chị D còn chung sống với nhau thì ông M vẫn để vợ chồng anh Đ canh tác.

Đến ngày 31/8/2023 ông Bế Văn M đã rút yêu cầu độc lập không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản luận cứ bảo vệ gửi Tòa án có nêu: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy ông M có đơn rút yêu cầu độc lập nên không có ý kiến gì thêm nhất trí với ý kiến của ông M. Đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của ông M.

- Tại biên bản xác minh ngày 08/9/2023 ông Hoàng Văn H trình bày ý kiến như sau: Anh H giữ chức Trưởng thôn Q, xã V từ năm 2018 trong quá trình làm trưởng thôn anh H không nhận được ý kiến của anh Đ, chị D hòa giải về mâu thuẫn gia đình, vợ chồng không có tình trạng xích mích với nhau trầm trọng, không có tình trạng mắng chửi nhau dẫn đến anh H và mọi người trong thôn phải đến can ngăn. Từ nhà anh H đến nhà anh Đ, chị D khoảng 01 km, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, vụn vặt trong gia đình anh Hữu không biết. Tuy nhiên, anh H khẳng định vợ chồng anh Đ không có mâu thuẫn lớn, hiện nay vợ chồng anh Đ, chị D vẫn chung sống với nhau, chị D không tham gia sinh hoạt tại chi hội phụ nữ thôn.

- Tại biên bản xác minh ngày 08/9/2023 anh Nông Văn A làm công tác trưởng thôn từ năm 2016 đến cuối tháng 9/2018, anh Nông Văn A là cháu họ của anh Bế Văn Đ, gọi anh Đ là cậu, từ nhà anh A đến nhà anh Đ, chị D khoảng 500m. Trong quá trình chung sống hàng ngày anh Nông Văn A không thấy gia đình anh Đ, chị D xảy ra tình trạng cãi cọ, mâu thuẫn, đánh mắng mà hàng xóm, họ hàng phải can thiệp, hiện nay vợ chồng anh Đ,Chị D vẫn đang sống chung cùng nhau. Trong quá trình anh A làm trưởng thôn không có đơn thư cũng như ý

kiến của anh Đ, chị D đề nghị tổ hòa giải của thôn đến hòa giải mâu thuẫn của gia đình anh Đ, chị D, có lúc thấy anh Đ phàn nàn với anh A những mâu thuẫn nhỏ, vụn vặt của gia đình.

- Tại biên bản xác minh ngày 08/9/2023 anh Bế Văn Đ cung cấp: Nhà của anh Đ sát gần ngay nhà của anh Đ, chị D, anh là hàng xóm và cũng có quan hệ họ hàng với anh Đ, chị D. Trong quá trình sinh sống anh Đ, chị D cũng có hiện tượng cãi cọ , to tiếng với nhau nhưng chưa có việc đánh nhau. Anh Đ cho biết mâu thuẫn phát sinh một phần do chị D không chăm lo cho việc cơm nước, việc nhà trong khi anh Đ đi làm lo kinh tế trong gia đình.

- Tại biên bản xác minh ngày 08/9/2023 chị Hoàng Thị To cung cấp chị vừa là hoàng xóm vừa có quan hệ họ hàng với anh Đ, chị D mấy năm trước đây chị To thấy có hiện tượng anh Đ, chị D cãi vã, to tiếng với nhau tuy nhiên trong hai ba năm gần đây không thấy có hiện tượng cãi vã , to tiếng với nhau, chị To có nghe chị D kể lại từ khi anh Đ gửi đơn đến Tòa giải quyết ly hôn thì vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không ăn cơm cùng nhau, chị D nấu cơm nhưng anh Đ không ăn mà đi chỗ khác ăn.

- Tại biên bản xác minh ngày 08/9/2023 chị Nguyễn Thị Hư cung cấp thông tin chị bán hàng tạp hóa đối diện với nhà anh Đ, chị D từ năm 2012 đến cuối năm 2022 chị Hư mới chuyển về cửa hàng hiện tại. Trong suốt thời gian bán hàng tại ngôi nhà đối diện với nhà anh Đ, chị D, chị thấy vợ chồng anh Đ, chị D cũng có cãi vã, mâu thuẫn nhỏ như những gia đình khác, không có hiện tượng đánh nhau không cần đến sự can thiệp của thôn cũng như hàng xóm. Chị Hư không có quan hệ họ hàng gì đối với nhà anh Đ, chị D.

- Tại biên bản xác minh ngày 08/9/2023 chị Nông Thị L cung cấp thông tin chị L là chị dâu của anh Đ, chị D – chị L lấy anh trai ruột của anh Đ. Hiện nay chị L đang sống chung cùng với bố mẹ chồng (bố mẹ anh Đ). Chị L cho biết quá trình chung sống anh Đ, chị D cãi nhau suốt tuy nhiên không có việc đánh đập nhau, từ khi về làm dâu chị D ít khi lên nhà.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn .

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, xử cho anh Đ và chị D đoàn tụ nên về con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bế Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị D. Bị đơn chị Phan Thị D có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Q, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đ và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL (Nay là xã V), huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào năm 2003. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mối quan hệ hôn nhân giữa anh Bế Văn Đ và chị Phan Thị D là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo anh Đ trình bày do chị D hay ghen vô cớ, lười lao động, khách khứa đến nhà xử sự không khéo, anh Đ có khuyên chị D sửa đổi tính tình nhưng chị D không thay đổi. Anh Đ trình bày vợ chồng hay cãi cọ và dẫn đến ly thân. Tại phiên tòa anh Đ xác định tình cảm dành cho chị D bình thường, từ khi làm đơn xin ly hôn chị D đã có những thay đổi nhưng vì những lý do trên nên vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu được ly hôn với chị D.

Chị D có ý kiến cố gắng sửa đổi để hàn gắn cùng anh Đ, chị D mong muốn đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

Anh Đ và chị D sống hạnh phúc từ năm 2002 đến năm 2023 thì mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn giữa anh Đ và chị D là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, hiện nay vợ chồng anh Đ, chị D vẫn sống chung, đời sống chung vẫn diễn ra, mục đích hôn nhân vẫn có thể đạt được, hơn nữa các con còn nhỏ con nhỏ nhất mới sinh năm 2000 rất cần sự chăm sóc của cả cha lẫn mẹ. Tại phiên tòa chị Đ mong muốn Tòa án cho anh chị về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, chị D sẽ khắc phục những thiếu sót để đem lại hạnh phúc cho gia đình.

Xét thấy anh Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh mâu thuẫn trầm trọng, Trong quá trình anh Đ và chị D ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay thời gian ly thân ngắn, mâu thuẫn chưa kéo dài thì anh Đ, chị D vẫn quan hệ tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn của anh Đ, chị D chưa đến mức trầm trọng, cần có một thời gian, tạo điều kiện để chị D, anh Đ điều chỉnh lại cách ứng xử, cảm thông cho nhau để giữ hạnh phúc gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của chị D, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị D là có cơ sở.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, xử cho anh Đ và chị D đoàn tụ nên về con chung, tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

* Đối với yêu cầu độc lập của ông Bế Văn M: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập đòi lại tài sản của ông Bế Văn M.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các Đ sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35; 39, 147, 227, 244, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung, giải quyết nợ chung của anh Bế Văn Đ đối với chị Phan Thị D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh Đ, chị D; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập đòi lại tài sản của ông Bế Văn M.

2. Về án phí:

- Anh Bế Văn Đ phải chịu 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng),* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001650, ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

- Trả lại số tiền 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000509 ngày 6/6/2023 cho ông Bế Văn M**.**

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Người có QLNVLQ;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lý Thị Luân